

Chiến lược thích ứng của người Hoa với môi trường kinh tế Philippines (cuối thế kỷ XVI - giữa thế kỷ XVIII)

Trần Thị Quế Châu*

Nhận ngày 15 tháng 4 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 6 tháng 9 năm 2024.

Tóm tắt: Có nhiều cách tiếp cận khác nhau khi giải thích cho thành công của người Hoa ở các nền kinh tế Đông Nam Á. Nghiên cứu trường hợp người Hoa tại Philippines trong thời kì thuộc địa, chúng tôi thấy rằng ngoài những yếu tố thuộc về giá trị văn hoá dân tộc, cách tổ chức kinh doanh, thì chiến lược thích ứng linh hoạt là nguyên nhân quan trọng để họ có thể duy trì sự hiện diện và khẳng định vai trò trong nền kinh tế. Bài viết tập trung phân tích các chính sách của chính quyền Tây Ban Nha đối với người Hoa ở Philippines, những cách thức ứng phó của người Hoa và những thành công bước đầu của họ trong giai đoạn khó khăn nhất từ cuối thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XVIII.

Từ khoá: Chiến lược, người Hoa, kinh tế, Philippines.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: There are many different approaches when it comes to explaining the success of people of Chinese origin in the Southeast Asian economies. Studying the case of the Chinese origin people in the Philippines during the colonial period, we suppose that in addition to factors belonging to national cultural values, business organization, flexible adaptation strategies were important reasons for them to be able to maintain their presence and affirm their role in the economy. The article focuses on analyzing the Spanish government's policies towards the Chinese origin people in the Philippines, the Chinese's response and their initial successes in the most difficult period from the late sixteenth century to the mid-eighteenth century.

Keywords: Strategy, Chinese origin people, economy, Philippines.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Từ rất lâu trước khi người Tây Ban Nha xâm chiếm Philippines, người Hoa đã biết đến quần đảo này với tên gọi là Mai-i (vùng đất của vàng). Lịch sử Trung Quốc ghi lại sự tiếp xúc giữa người Philippines và người Hoa bắt đầu dưới triều Tống (960-1279). Theo thời gian, một nhóm nhỏ người Hoa bắt đầu định cư ở Manila, và có mối quan hệ tốt đẹp với cư dân bản xứ (Abinales & Amoroso, 2005: 64).

Năm 1564, lịch sử Philippines bắt đầu bước vào thời kỳ đầy biến động khi Tây Ban Nha chính thức tiến hành xâm lược Philippines thông qua cuộc viễn chinh của Lopez de Legaspi. Đến năm 1571 về cơ bản Tây Ban Nha đã chinh phục và thiết lập nền thống trị của họ trên toàn bộ quần đảo. Trong suốt hơn ba thế kỷ (1571-1898), Tây Ban Nha đã thực thi nhiều chính sách và biện pháp để cai trị và khai thác thuộc địa. Chính sách của Tây Ban Nha ở thuộc địa Philippines về cơ bản được chia thành ba giai đoạn lớn: (1) Duy trì và mở rộng mối quan hệ giữa Philippines với các quốc gia trong khu vực (1571-1593); (2) Chính sách “đóng cửa”, cô lập Philippines (1593-1764) và (3) Từ “nới lỏng đóng cửa” đến chính sách

* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
Email: tqchau@gmail.com

“mở cửa” Philippines (1764-1898) (Trần Thị Quế Châu, 2018).

Đặc điểm chung của giai đoạn “đóng cửa” là chính quyền áp đặt sự hạn chế mọi lĩnh vực của đời sống, từ thương mại, công nghiệp, chính trị đến tôn giáo, văn hóa, xã hội. Trong bối cảnh đó, người Hoa cũng đã phải đối mặt với rất nhiều khó khăn khi chính quyền sở tại đưa ra những chính sách khắc nghiệt nhất đối với người Hoa, đòi hỏi họ phải thích ứng để có thể tồn tại và tham gia vào đời sống kinh tế ở Philippines.

Ở trong nước, các bài viết hiếm hoi liên quan đến nội dung này được đăng trên Tạp chí Đông Nam Á: “Thương cảng Manila (Philippines) thế kỷ XVII”, số 3/2010 và “Người Hoa ở Philippines dưới thời thuộc Tây Ban Nha (1565-1898)”, số 7/2012 của tác giả Dương Văn Huy. Trong hai công trình của mình, tác giả đã khái quát được thái độ của chính quyền Tây Ban Nha đối với người Hoa ở Philippines và vai trò trung gian trong mậu dịch giữa Philippines với các hải cảng Nam Trung Quốc.

So với trong nước, các công trình ở nước ngoài khá phong phú, có thể chia thành hai nhóm chính sau đây:

Nhóm thứ nhất gồm các công trình đề cập đến chính sách của Tây Ban Nha đối với người Hoa ở Philippines. Nổi bật nhất trong nhóm chủ đề này phải kể đến công trình “The Chinese in Southeast Asia” của Victor Purcell (1965). Trong khoảng 200 trang viết về người Hoa ở Philippines, tác giả tập trung phân tích chi tiết về sự biến động số lượng, thái độ của nhà cầm quyền đối với người Hoa. Đi sâu hơn, hai công trình “Chinese-Philippine Relations in the Late Sixteenth Century and to 1603” của Chan, Albert (1978) và “A supplement to the Chinese Expulsion from the Philippines, 1764-1779” của Salvador, P. Escoto (2000) được đăng tải trên tạp chí *Philippine Studies* đã phân tích quan hệ giữa người Hoa với chính quyền Tây Ban Nha vào hai thời điểm cuối thế kỷ XVI và giữa thế kỷ XVIII, khi sự xung đột và mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm.

Nhóm thứ hai gồm các công trình đề cập đến kinh tế Philippines thời kì Tây Ban Nha và vai trò của người Hoa. Các công trình *Two and a half centuries of the Galleon trade* của Legarda, Benito JR. (1955); và *The Manila Galleon* của Schurz, William Lytle (1959) đã cung cấp những dữ liệu về hoạt động thương mại thuyền buồm Manila - Acapulco.

Nghiên cứu trực tiếp về người Hoa ở Philippines phải kể đến công trình “Chinese in the Philippine life, 1850-1898” của Edgar Wickberg (1965). Mặc dù chú trọng vào giai đoạn cuối thế kỷ XIX, cuốn sách vẫn dành phần đáng kể nghiên cứu hoạt động kinh tế của người Hoa ở Philippines trong những giai đoạn trước đó. Trong đó, tác giả nhấn mạnh đến vai trò trung gian của họ trong phân phối hàng hóa của phương Tây ở thị trường nội địa thông qua việc thiết lập hệ thống bán lẻ trên khắp lãnh thổ Philippines. Các công trình *The Chinese in Philippines: A Study of Power and Change* (Ph.D Thesis) của Blaker, Jame Ronald (1970); *The Manila Chinese: Community, trade and Empire* (Ph.D Thesis) của Kueh, Joshua Eng Sin (2014) đã phân tích về vai trò của người Hoa trong nền kinh tế Philippines trong thời kỳ thuộc địa, đặc biệt là trên lĩnh vực thương mại. Ở đó, các thương nhân Hoa kiều đã tạo dựng được bản sắc riêng trong kinh doanh và chứng minh được địa vị, tầm quan trọng của họ đối với xã hội Philippines.

Ngoài ra, chủ đề người Hoa còn được lồng ghép trong các công trình về Lịch sử Philippines như: *The Philippines - A unique nation* của Zaide, Soria.M (1999); *Philippines history and government* của Zaide, Gregorio.F & Zaide, Sonia. (2004); và đặc biệt là công trình *The Philippine Islands (1493-1898)*. Vol 7 của Blair and Robertson (1903-1909) đã cung cấp nguồn tư liệu gốc đáng tin cậy về vai trò của người Hoa trong đời sống ở đô thị Manila thời thuộc địa Tây Ban Nha.

Với những cách tiếp cận đa chiều, các công trình đã tái hiện được bức tranh cộng đồng người Hoa ở Philippines thời kì thuộc địa Tây Ban Nha trên nhiều khía cạnh, trong đó có

hoạt động kinh tế. Một số công trình đã bước đầu có những đánh giá về vai trò, vị trí của người Hoa trong nền kinh tế Philippines giai đoạn từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII. Từ các công trình tiếp cận được, bài viết tập trung phân tích các nội dung sau đây: (i) môi trường kinh tế Philippines thời thuộc địa và chính sách đối với người Hoa; (ii) những chiến lược thích ứng của người Hoa với chính sách của chính quyền Tây Ban Nha và thành công bước đầu của họ trong nền kinh tế Philippines thời thuộc địa.

2. Môi trường kinh tế Philippines thời kì “đóng cửa” và chính sách của chính quyền Tây Ban Nha đối với người Hoa

Trong thập niên đầu sau khi thiết lập địa vị thống trị ở Philippines (1571-1582), để đối chọi với Bồ Đào Nha đồng thời mở rộng ảnh hưởng đối với các quốc gia trong khu vực, Tây Ban Nha đã thực hiện chính sách thu hút thương nhân châu Á đến Philippines buôn bán. Chính sách đó một mặt đã biến Manila thành hải cảng phát triển thịnh vượng ở khu vực, mặt khác lại tập trung sự chú ý của các nước đối với vị trí của quần đảo này, đặc biệt là thủ đô Manila.

Từ cuộc tấn công của hải tặc Trung Quốc (1572), sự gia tăng số lượng người Hoa một cách nhanh chóng¹, đến kế hoạch xâm chiếm của Thiên hoàng Nhật Bản (1592) cộng với những tác động tiêu cực của thương mại Manila Galleon² đối với công nghiệp tơ lụa Tây Ban Nha là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chính sách “đóng cửa” thuộc địa Philippines vào cuối thế kỷ XVI. Chính sách đó nhằm mục đích bảo vệ những lợi ích thương mại của thương nhân Tây Ban Nha và trên hết là đảm bảo cho địa vị thống trị của họ ở Philippines để có thể tiếp tục mục tiêu tranh giành buôn bán hương liệu và truyền giáo ở châu Á.

Trong gần hai thế kỷ, chính quyền Tây Ban Nha thực thi chính sách “đóng cửa”, Philippines chỉ tồn tại một hoạt động kinh tế chủ yếu mang tính chất định kì đó là thương mại thuyền buồm Manila Galleon. Người nước ngoài hầu như ngăn cản nhập cư trừ một số lượng hạn chế người Hoa và người Nhật. Người Philippines không được phép tham gia trực tiếp vào nội thương cũng như ngoại thương. Tây Ban Nha chỉ cho phép thiết lập và duy trì những mối quan hệ với bên ngoài với điều kiện quan hệ đó đảm bảo cho sự hiện diện lâu dài và vững chắc của họ ở Philippines.

Về cơ bản, chính sách của Tây Ban Nha đối với người Hoa bắt đầu hình thành với ba yếu tố chính: thuế, kiểm soát và cải đạo.

- Áp dụng hệ thống thuế riêng đối với người Hoa

Trước thế kỷ XIX, chính sách thuế của Tây Ban Nha ở Philippines dựa trên triết lý đánh thuế nặng nhất đối với những nhóm người có đủ khả năng nộp thuế (ngoại trừ người Tây Ban Nha). Người Hoa được cho là có khả năng kiếm tiền hơn những người bản xứ và vì thế họ bị đánh thuế nặng hơn. Chính quyền Tây Ban Nha đánh thuế 3% đối với tất cả hàng hóa nhập cảnh Philippines nhưng riêng thương nhân Trung Quốc phải nộp 6%. Đối với người Hoa định cư ở Philippines còn phải nộp nhiều loại thuế vô lí khác “64 real cho giấy phép cư trú, 5 real thuế thân, 12 real để sở hữu một ngôi nhà” (Zaide, Gregorio.F & Zaide, Sonia, 2004: 163). Tổng cộng số thuế người Hoa phải nộp một năm là 81 reales, trong khi cư dân bản xứ tùy từng thời điểm chỉ phải nộp 8 - 10 reales³.

¹ Cùng với sự thịnh vượng của thương mại thuyền buồm, số lượng người Hoa định cư ở Philippines có sự gia tăng nhanh chóng. Số lượng người Hoa ở Philippines năm 1571 là 150 người, năm 1588 là 10.000 người, năm 1603 là 30.000 người (Wickberg, Edgar, 2000: 166).

² Manila galleon là thuật ngữ dùng trong thương mại và hoa tiêu hàng hải giữa hai đầu mối, hai thuộc địa của Tây Ban Nha là Manila và Acapulco. Chuyến tàu đầu tiên rời Manila đến Acapulco vào năm 1572 và chuyến cuối cùng là năm 1815.

³ 8 reales= 1 pesos.

Việc áp đặt hệ thống thuế cao là một trong những nguyên nhân dẫn đến những cuộc nổi dậy của người Hoa trong thời kỳ đầu dưới sự thống trị của Tây Ban Nha⁴. Từ năm 1594 đến 1766 chính quyền Tây Ban Nha thường xuyên ban hành các lệnh trục xuất đối với người Hoa. Những lệnh trục xuất này nhằm mục tiêu giữ được số lượng người Hoa ở Philippines trong khoảng 20.000 người, trong đó khoảng 50% sinh sống ở khu vực Manila (Wickberg, Edgar, 2000:11).

- Kiểm soát chặt chẽ người Hoa

Để hạn chế số lượng người Hoa nhập cư và phòng ngừa những cuộc nổi dậy của họ, chính quyền Tây Ban Nha ở Philippines đưa ra những quy định hết sức gắt gao: (1) Mỗi thuyền chỉ được chở không quá 100 người gồm cả thương nhân và thủy thủ; (2) Các tu viện bị cấm làm nơi trú ẩn cho bất kì người Hoa nào; (3) Yêu cầu các quan lại địa phương nộp cho Toàn quyền danh sách những người nhập cư và các loại vũ khí mà họ sở hữu; (4) Kiểm tra thường xuyên các thợ thủ công (đặc biệt là thợ rèn). Buộc các thợ rèn phải làm cung, tên, giáo cho nhà kho của Hoàng gia (Chan, Albert, 1978: 65).

Ngoài những biện pháp trên, chính quyền Tây Ban Nha còn áp dụng hình thức “chia rẽ” để “kiểm soát” cộng đồng người Hoa ở Philippines. Người Hoa không theo Thiên chúa giáo phải sống tập trung ở khu vực bên ngoài tường thành (city wall) gọi là Parian⁵. Khu vực này luôn ở trong tầm ngắm của chính quyền Tây Ban Nha. Khi họ có dấu hiệu nổi dậy, họ sẽ bị thảm sát hoặc trục xuất ra khỏi đất nước. Cùng với khu Parian dành riêng cho người Hoa thì thực dân Tây Ban Nha còn tiến hành xây dựng khu Binondo - khu dành riêng cho người Hoa lai (còn gọi là Mestizo). Nằm trên sông Pasig từ Intramuros, Binondo được xây dựng vào năm 1594, là một thị trấn nhỏ điển hình của người Hoa lai, còn được gọi là “China Town”. Đây là nơi sinh sống của những người Hoa lấy vợ người Philippines và sinh ra thế hệ người Hoa lai. Đa số những người Hoa ở khu Binondo đều chuyển sang Công giáo, chính vì vậy mà họ được hưởng rất nhiều đặc ân từ chính quyền Tây Ban Nha so với người Hoa ở khu Parian⁶. Chính quyền Tây Ban Nha đã cấp đất vĩnh viễn ở khu vực Binondo cho một nhóm các thương nhân và thợ thủ công người Hoa, miễn thuế và cho họ quyền tự trị hạn chế.

- Cải đạo người Hoa sang Công giáo

Song song với những biện pháp về kinh tế, chính trị, người Tây Ban Nha tiến hành truyền bá Thiên chúa giáo cho những người Hoa ở Philippines. Chính sách tôn giáo của Tây Ban Nha đối với người Hoa có ba mục tiêu: mở rộng đức tin, xiết chặt lòng trung thành, và cuối cùng là đồng hóa. Rõ ràng là đối với người Tây Ban Nha nhiệm vụ Thiên chúa giáo hóa và Tây Ban Nha hóa người Philippines bao gồm cả người Hoa. Trong bối cảnh này, mục tiêu tôn giáo được Tây Ban Nha đặt lên hàng đầu. Mục tiêu của họ bao gồm cả việc cải đạo hiệu quả người Hoa ở Philippines, và mối quan tâm lớn hơn đối với họ đó là tiếp cận Trung Quốc như một địa hạt truyền giáo.

Rõ ràng là vì mục tiêu tôn giáo, chính quyền Tây Ban Nha đã bảo vệ và ủng hộ người Hoa Công giáo ở Philippines. Tuy nhiên, các nỗ lực của Tây Ban Nha để đạt được các mục tiêu của họ bằng cách cải đạo người Hoa ở Philippines chỉ đạt được thành công vừa phải. Số lượng người Hoa theo Công giáo không quá 3.000-4.000 trên tổng số 20.000-30.000 người (Wickberg, Edgar, 2000: 16). Ngay cả trong số lượng khá nhỏ này, kết quả của việc cải đạo cũng đặt ra những câu hỏi đáng ngờ. Trong những năm khủng hoảng của quan hệ Trung

⁴ Những cuộc nổi dậy của người Hoa diễn ra vào các năm 1603, 1639, 1662, 1686 và 1762.

⁵ Parian xuất hiện trong từ điển tiếng Tagalog nghĩa là “market place of the Chinese” (chợ của người Hoa). Parian tồn tại từ năm 1581 đến 1790 ở nhiều vị trí khác nhau. Parian là trung tâm thương mại của Manila với hơn 100 gian hàng bao gồm nhiều loại hàng hóa: tơ lụa, may mặc, đóng giày, sơn, bánh kẹo, bạc,...

⁶ Những người Hoa ở Parian không được cấp phép sản xuất rượu cũng như không được phép làm việc ở ngoài khu vực giới hạn.

Quốc - Tây Ban Nha, phản ứng của người Hoa Công giáo là rất phức tạp. Những cuộc nổi dậy của người Hoa vào các năm 1603, 1639, 1662 và 1686 đều có liên quan đến những người Công giáo. Đặc biệt, vào năm 1762-1764, người Hoa Công giáo đã hỗ trợ rất lớn cho người Anh xâm chiếm Philippines (Wickberg, Edgar, 2000: 16-17).

- Trục xuất và thăm sát nếu người Hoa nổi dậy chống đối

Năm 1597, toàn quyền Luis Peres Dasmarias viết cho nhà vua Tây Ban Nha một bức thư nói rõ về sự hiện diện quá đông đảo số lượng người Hoa ở Manila. “Tôi đã cố gắng đuổi họ ra khỏi thành phố đồng thời đưa ra những quy định đối với những cửa hàng của họ. Chẳng hạn, chỉ cho phép họ dùng lá cọ để lợp nhà vì những ngôi nhà này sẽ bị cháy trụi nếu có cuộc nổi dậy” (Chan, Albert, 1978: 72). Vào cuối năm 1597, toàn quyền Telo đã ra lệnh đuổi 3.000-4.000 người người Hoa khỏi Manila. Năm 1589, tất cả người Hoa, ngoại trừ nông dân, thợ mộc và thợ cơ khí đều bị trục xuất. Quy định này được đưa ra vì người Tây Ban Nha cho rằng họ chỉ cần khoảng 3.000 người Hoa phục vụ cho việc xây dựng thuộc địa. Các trường hợp trục xuất cũng xảy ra liên tiếp vào các năm 1593, 1603, 1639, 1662, 1663, 1686 sau những cuộc nổi loạn của người Hoa chống lại chính quyền Tây Ban Nha (Zaide, Sonia.M, 1999: 164-165).

Năm 1762, khi thực dân Anh đến chiếm đóng Manila, người Hoa đã hợp tác với họ để chống lại người Tây Ban Nha. Hành động này của người Hoa khiến khoảng 900 người bị thăm sát ở Guagua, Pampanga vào ngày 24/12/1762 và tổng cộng có 6.000 người bị tiêu diệt trong suốt cuộc nổi dậy. Lễ giáng sinh năm 1762 được gọi là “giáng sinh đẫm máu” (Red Christmas) (Zaide, Sonia.M, 1999: 166).

Sau khi Anh trao trả Manila lại cho chính quyền Tây Ban Nha năm 1764, để trút bỏ nỗi căm hờn và trả thù đối với những gì người Hoa đã gây ra, vào ngày 17/4/1766, Charles II ban hành sắc lệnh trục xuất người Hoa (Salvador, P. E, 2000: 213).

“Tôi yêu cầu trục xuất tất cả người Hoa, những người trong suốt thời kì chiến tranh đã bỏ Thiên chúa giáo, xúi giục sự nổi loạn bằng việc giúp đỡ kẻ thù, xúi giục người địa phương nổi loạn ở những tỉnh lân cận Manila. Trẻ em dưới 12 tuổi có thể ở lại quần đảo với mẹ của họ, những người lớn ăn năn hối lỗi có thể ở lại. Những người tự ý theo quân Anh bị đày đi không được phép trở về. Người Hoa thường xuyên buôn đến Manila buôn bán có thể tiếp tục. Họ phải ở tại Alcayceria de San Fernando và trở lại Trung Quốc sau hội chợ. Không ai được cho phép ở lại và buôn bán ở những cảng khác” (Salvador, P. E, 2000: 210).

Theo quy định của chính quyền Tây Ban Nha, những người Hoa được phép ở lại Philippines phải được đăng kí và phân ở thành phố hoặc những nơi phù hợp cho phát triển nông nghiệp và tham gia vào đời sống tôn giáo. Họ không được mang vũ khí cũng như không được rời khỏi mà không có sự cho phép của Tỉnh trưởng nếu không sẽ bị trục xuất (Salvador, P.E, 2000: 214). Đây là thời kì cộng đồng người Hoa giảm đến mức thấp nhất trong suốt thế kỉ XVII, XVIII.

3. Những chiến lược thích ứng của người Hoa

Có ba lý do cho sự thành công tương đối của người gốc Hoa trong kinh doanh thường được nhắc đến đó là: xu hướng làm việc chăm chỉ, kết nối tốt và khả năng giữ chi phí kinh doanh thấp. Một số lí do khác cũng được phân tích đó là: có trình độ học vấn tương đối cao; sự trung thực; nhạy bén trong kinh doanh; ưu tiên đầu tư dài hạn hơn là thu lợi nhuận ngắn hạn nhanh chóng; sự cần cù... Hầu hết các yếu tố này chắc chắn là quan trọng nhưng qua nghiên cứu trường hợp Philippines, chúng tôi muốn nhấn mạnh đến yếu tố “chiến lược” thích ứng của người Hoa nhằm tránh hoặc trì hoãn các lệnh trục xuất, tìm kiếm sự tương trợ trong cộng đồng, cũng như cố gắng lấp đầy những “khoảng trống” trong nền kinh tế Philippines.

3.1. *Xây dựng mối quan hệ xã hội bằng hình thức “cha mẹ đỡ đầu” (compadrazgo/coparenthood)⁷ và tín dụng giả tưởng*

** Cha mẹ đỡ đầu*

Chúng ta biết rằng Tây Ban Nha luôn theo đuổi mục tiêu cải đạo cho toàn bộ cư dân Philippines, trong đó có cả người Hoa. Vì thế, những người theo Thiên chúa giáo thường được hưởng những chính sách có phần bớt khắt khe hơn so với những người ngoại đạo. Nhiều người Hoa đã chuyển đổi tôn giáo, nhưng phần lớn vẫn không theo đức tin này. Những người không theo Thiên chúa giáo thường rất dễ bị phân biệt đối xử, trục xuất nếu có những đe dọa về an ninh. Vì thế, họ thường tìm kiếm sự hỗ trợ từ cộng đồng của mình.

Trong phong tục Công giáo, vai trò người đỡ đầu giúp nuôi nấng con trẻ sống trong đức tin. Đối với cộng đồng người Hoa ở Philippines thời kì này, việc nhận bố mẹ đỡ đầu trong nhiều trường hợp đã vượt ra ngoài vấn đề tôn giáo. Có thể mối quan hệ này sử dụng cho mục đích phi tâm linh, chủ yếu để có sự hỗ trợ lẫn nhau. Có một số bằng chứng chứng minh cho nhận định này dựa trên các hồ sơ rửa tội của Parián từ năm 1626 đến năm 1700 và danh sách những người Hoa không theo đạo Thiên chúa ở Manila vào năm 1689 và 1690. *Thứ nhất*, thông thường nghi lễ này liên quan đến một mối quan hệ giữa 3 thành viên: cha mẹ ruột - đứa trẻ - cha mẹ đỡ đầu, áp dụng cho trẻ em có cha mẹ đã cải đạo theo Kito giáo, trong trường hợp người Hoa ở Philippines áp dụng cho những đứa trẻ có cha mẹ là người không theo Thiên chúa giáo. Điều này được phản ánh qua sắc lệnh năm 1599 của Tòa án Tối cao Manila cáo buộc người Hoa: “Có một số lượng lớn con đỡ đầu - cả theo đạo Cơ đốc và ngoại đạo, để sử dụng họ làm nhân chứng giả, vì những mục đích và ý định xấu xa khác, trao đổi với họ những ân huệ và sự giúp đỡ trong công việc của họ” (Kueh, Joshua, 2013: 366-367). *Thứ hai*, người Hoa có xu hướng chọn bố mẹ đỡ đầu từ tầng lớp xã hội ưu việt từ cả trong và ngoài cộng đồng. Chẳng hạn Thống đốc Tây Ban Nha Juan Niño de Tavora có ít nhất 3 con đỡ đầu người Hoa vào những năm 1620. Theo con số thống kê hội đồng thuộc địa, ở Manila có trường hợp người Hoa có 141 con đỡ đầu, còn 50, 20 là chuyện phổ biến. Hoặc cũng có những trường hợp một người có nhiều hơn một cha đỡ đầu (Kueh, Joshua, 2014: 78). *Thứ ba*, trong những trường hợp con gái, không có mẹ đỡ đầu mà có cha đỡ đầu. Đây là lựa chọn mang tính bất thường, vượt ra ngoài mục đích tâm linh. Hai yếu tố mối quan hệ cùng quê hương và nghề nghiệp là vấn đề quan trọng nhất khi nói đến mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau trong cộng đồng người Hoa ở Philippines.

** Tín dụng giả tưởng*

Nếu như chiến lược cha mẹ đỡ đầu chủ yếu áp dụng cho cộng đồng người Hoa thì tín dụng được mở rộng cho tất cả các thành phần xã hội nhằm mục tiêu biến người Tây Ban Nha, người lai, người bản địa thành “con nợ” của mình. Những người cung cấp tín dụng chủ yếu là những thương nhân giàu có, kiếm lợi từ thương mại đôi bạc lấy tơ lụa. Họ sẽ cung cấp các khoản vay cho các thành phần cư dân khác bằng nhiều cách. *Cách thứ nhất*, không cần tiền mặt, họ cung cấp hàng hoá cho thương nhân, hàng hoá đó sau khi chuyển đến thị trường châu Mỹ, họ sẽ nhận được thanh toán và kiếm lời. *Cách thứ hai*, hỗ trợ cho hoạt động buôn bán nhỏ dựa trên chữ tín. Giám mục Manila, Fray Domingo de Salazar trong một bức thư ngày 24 tháng 6 năm 1590, có tên là “Người Hoa ở Parian, Manila” đã viết rằng: “... khi

⁷ Compadrazgo được hiểu là “chế độ cha mẹ đỡ đầu”- một hệ thống quan hệ họ hàng về mặt xã hội, có nguồn gốc từ nhà thờ Công giáo thời Trung cổ ở châu Âu. Thông qua lễ rửa tội cho một đứa trẻ Thiên chúa giáo, compadrazgo thiết lập mối quan hệ giữa cha mẹ ruột của đứa trẻ và những người (có thể không liên quan) trở thành cha mẹ thiêng liêng. Cha mẹ đỡ đầu chịu trách nhiệm về việc giáo dục tôn giáo của đứa trẻ. Những người có địa vị chính trị và kinh tế trong cộng đồng thường có số lượng lớn con đỡ đầu, điều này không chỉ thể hiện địa vị cao của họ mà còn đòi hỏi sự hỗ trợ chính trị của cha mẹ.

khách hàng muốn mua bánh mì nhưng không có tiền để trả, người Hoa sẽ đánh dấu nợ trên một kiểm đếm. Nhờ vậy, nhiều người lính [Tây Ban Nha] có được thức ăn theo cách này trong suốt cả năm, và những người thợ làm bánh không bao giờ ngừng cung cấp cho họ tất cả bánh mì họ cần. Đây là một sự trợ giúp tuyệt vời cho người nghèo ở thành phố này” (Blair and Robertson, 1903, vol 7: 215). Còn Antonio de Morga - thành viên của Hội đồng thuộc địa từ năm 1595-1603, đã viết trong cuốn *Sucesos de las Islas Filipinas* (1609) của mình rằng “Người Hoa là những người giao dịch rất thành thạo và thông minh, kiên nhẫn và có trình độ, vì thế họ kinh doanh tốt hơn. Họ sẵn sàng cho phép ghi nợ và đưa ra các điều khoản tự do cho những người mà họ biết sẽ giao dịch thẳng thắn với họ và sẽ không thất hứa trong việc trả tiền cho họ đúng hạn” (Kueh, Joshua, 2013: 371).

Bằng cách này người Hoa đã tạo ra mạng lưới kinh tế - xã hội phụ thuộc lẫn nhau giữa các thành phần cư dân ở Philippines. Điều này đương nhiên mang đến cho người Hoa những lợi ích lớn vượt ra ngoài vấn đề kinh tế. Chẳng hạn năm 1686 là một thời điểm khủng hoảng đối với người Hoa ở Manila. Vào tháng 9 năm đó, Tây Ban Nha ban hành lệnh trục xuất người Hoa ngoài Kitô giáo khỏi Manila. Một nhóm thương nhân người Hoa đã nhanh chóng phản ứng với việc trục xuất sắp xảy ra bằng cách viết một bản kiến nghị giải thích sự cần thiết của họ đối với thuộc địa và cũng yêu cầu cần thời gian để thu nợ. Nhờ vậy, mệnh lệnh này đã được hoãn 7 tháng và nhiều người Hoa đã tìm cách đưa vào danh sách những người nợ tiền để tránh bị trục xuất dù chỉ là tạm thời.

Người Hoa đã sử dụng cả hai chiến lược để tạo ra hoặc củng cố mạng lưới nghĩa vụ và viện trợ lẫn nhau trong cộng đồng của chính họ và với các cư dân khác của Manila. Những người ít có sự kết nối trong mạng xã hội và tài chính là những người có cuộc sống bấp bênh, dễ bị trục xuất, và ngược lại những người có kết nối mạnh mẽ với người Tây Ban Nha được bảo vệ trong thời kì khủng hoảng.

3.2. Làm trung gian trong thương mại “đổi bạc lấy tơ lụa” Manila Galleon

Như phần trên đã đề cập, trong suốt thời kì “đóng cửa”, chính quyền Tây Ban Nha chỉ tập trung vào một hoạt động kinh tế chủ yếu là Manila Galleon. Tàu từ Acapulco cập bến Manila thường mang theo binh lính, giáo sĩ, quan chức và đặc biệt là một số lượng lớn bạc trắng từ châu Mỹ để đổi lấy những hàng hóa giá trị ở châu Á, trong đó, mặt hàng mang lại nhiều lợi nhuận hơn cả cho Tây Ban Nha là tơ lụa Trung Quốc. Vì thế, trong hoạt động thương mại thuyền buồm Manila - Acapulco, hai loại hàng hóa có giá trị nhất là bạc trắng và tơ lụa: “Đối với người châu Mỹ (Tân Tây Ban Nha), thuyền Trung Quốc hoặc thuyền buồm lớn Manila mang cho họ tơ lụa, hương liệu và các loại hàng hóa quý giá khác ở phương Đông. Đối với người dân phương Đông, đó là những chuyến tàu chở đầy bạc, đồng pesos của Mexico và Peru” (Barker, Tom: 1).

Để duy trì tuyến thương mại này, Trung Quốc luôn là thị trường được Tây Ban Nha đặt vào vị trí ưu tiên trong những hoạt động thương mại với thương cảng Manila. Cả chính quyền Tây Ban Nha và Trung Quốc đều nỗ lực trong việc thiết lập các thương điểm để tiến hành buôn bán những hàng hoá phương Đông. Tuy nhiên, trước những cản trở từ phía Bồ Đào Nha, người Tây Ban Nha buộc phải quay trở lại Manila⁸. Trong bối cảnh đó, các Hoa thương đã tận dụng cơ hội để trở thành cầu nối cho tuyến thương mại Trung Quốc - Manila - Acapulco.

⁸ Năm 1581, Tây Ban Nha đến Quảng Đông thiết lập một thương điểm để tiến hành buôn bán những hàng hóa Phương Đông. Về phía Trung Quốc, nhằm hạn chế sự độc quyền của Bồ Đào Nha, họ muốn mở rộng quan hệ với Philippines. Dưới thời Toàn quyền Francisco Tello de Guzman (1595-1602), Trung Quốc đã cho phép người Tây Ban Nha xây dựng kho hàng ở Quảng Đông gọi là El Pinal (Hồng Kông ngày nay). Tuy nhiên, khi hoạt động thương mại của người Tây Ban Nha ở Trung Quốc ngày càng phát triển, người Bồ Đào Nha ở Macau bắt đầu chiến dịch cạnh tranh nhằm loại bỏ người Tây Ban Nha khỏi El Pinal, đồng thời Bồ Đào Nha đã tìm mọi cách ngăn chặn không cho các thương thuyền Trung Quốc đến Philippines để buôn bán.

Trong hoạt động thương mại từ Trung Quốc đại lục đến Manila, các thuyền buôn đến từ các cảng của tỉnh Phúc Kiến luôn chiếm đa số. Từ Quảng Đông (Canton) hoặc Hạ Môn (Amoy), Ninh Ba, hàng hóa trực tiếp được mang đến Manila bằng những chiếc thuyền mảnh lớn (chở từ 200-400 người). Theo sự miêu tả của Tổng đốc Tây Ban Nha ở Manila là Antonio de Morga “những thuyền buôn từ Trung Quốc thường đi theo đoàn, thường vào đầu tháng 3 khi thời tiết ổn định, hành trình đến Manila mất khoảng từ 15-20 ngày, sau khi bán xong hàng hóa của họ, họ mua hàng hóa và để không bị nguy hiểm, họ đã quay trở về trước khi gió mùa đổi chiều vào cuối tháng 6” (Schurz, William Lytle, 1959: 71).

Theo thống kê, “chỉ từ năm 1571 đến năm 1600, đã có khoảng 630 thương thuyền từ cảng Nguyệt Chương Châu xuất hành đến Manila” (Dương Văn Huy, 2010: 24). Những năm cuối thế kỷ XVI số lượng thuyền buôn từ Trung Quốc được ghi lại như sau: “Năm 1572 có 3 thuyền cập bến Manila và 5 thuyền đến buôn bán ở những vùng khác. Năm 1574, có 6 thuyền đến Manila, và năm 1575 có từ 12 đến 15 thuyền. Những năm sau đó trao đổi buôn bán được củng cố và năm 1580 có từ 40 đến 50 thuyền đến Philippines hằng năm” (Legarda, Benito JR, 1955: 347). Nửa đầu thế kỷ XVII được xem là thời kỳ hoàng kim của thương mại Manila Galleon, số lượng thuyền buôn người Hoa có sự gia tăng ổn định về số lượng, mỗi năm có 40-50 thuyền đến Manila, đặc biệt vào năm 1626 có đến 100 thương thuyền đến Manila.

Những hàng hóa từ Trung Quốc sau khi đến Manila, một số ít được giữ lại cho nhu cầu tiêu dùng ở Philippines, còn phần lớn được đóng gói, chất lên tàu chở sang châu Mỹ. Theo thống kê, tơ lụa chiếm đến 90% trong tổng số hàng hóa được chở sang Acapulco hằng năm. Vì thế, đối với người Mexico, Manila Galleon còn được biết đến với tên gọi “Nao de China” hay “China ship”. Ngoài những Hoa thương theo những chuyến thuyền buôn từ Phúc Kiến sẽ quay về sau khi đã bán xong hàng hóa, còn có một bộ phận tạm trú trong vài năm hoặc định cư lâu dài ở Manila. Bộ phận này đóng vai trò như những người môi giới (middle-men), xây dựng mối quan hệ cộng sinh với các thuyền buôn nước ngoài để làm nhiệm vụ giao hàng, gom hàng phục vụ cho thương mại Manila Galleon, và các nhu cầu khác ở thuộc địa Philippines.

Khác với những hàng hóa đến từ Nhật Bản và một số quốc gia châu Á khác được thanh toán theo phương thức đổi hàng lấy hàng (barter), những hàng hóa từ Trung Quốc được thanh toán theo phương thức “đổi tơ lụa lấy bạc trắng” (silk for silver). Bạc trắng được chở từ Mexico, Peru qua Manila Galleon hằng năm ngoài mục đích trả lương cho bộ máy cai trị thuộc địa Philippines, phần còn lại chủ yếu dùng để thanh toán cho những hàng nhập khẩu từ Trung Quốc. Tổng Giám mục Pedro de Baeza ở Manila năm 1609 viết: “Bình quân mỗi năm khoảng 30-40 thuyền Phúc Kiến từ Manila vận chuyển đi 250-300 vạn rial bạc trắng, số bạc trắng này chủ yếu dùng để mua hàng hóa tơ sống và lụa tằm của Trung Quốc” (Dương Văn Huy, 2010: 22).

Thương mại Manila Galleon với phương thức “đổi bạc lấy tơ lụa” thông qua vai trò kết nối của người Hoa đã mang đến nguồn lợi kinh tế chủ yếu cho chính quyền Tây Ban Nha cho đến tận cuối thế kỷ XVIII. Nó đồng thời là nhân tố chủ yếu tạo nên sự hưng thịnh của đô thị cảng Manila thế kỷ XVII.

3.3. Tham gia cung cấp dịch vụ thiết yếu cho người dân ở thuộc địa

Số lượng người Tây Ban Nha ở Philippines trong thời kỳ “đóng cửa” chủ yếu là quân đội, quan chức, những người này khi kết thúc nhiệm kỳ phải quay trở về. Có những thương nhân, phần lớn đến từ Mexico, xây dựng khu định cư ở Manila để tham gia vào thương mại Acapulco, nhưng số này thường quay lại châu Mỹ sau một vài năm. Cuối cùng là một số lượng chức sắc tôn giáo đảm nhận việc truyền giáo ở thuộc địa.

Mặc dù chính quyền Tây Ban Nha có nhiều chính sách nhằm khuyến khích người Tây Ban Nha nhập cư sang Philippines để phát triển kinh tế nhưng cuối cùng đều không thành công.

Nhiều nguyên nhân được đưa ra để lý giải cho thực tế này như do khí hậu không thích hợp, do khoảng cách từ “mẫu quốc” đến thuộc địa quá xa do phải đi vòng qua Acapulco đến Philippines, nhưng có lẽ nguyên nhân gốc rễ do tổ chức kinh tế chú trọng độc quyền thương mại, ngăn cản sự phát triển nguồn tài nguyên. Như Toàn quyền Anda đã lý giải: “Sự khan hiếm người Tây Ban Nha định cư cũng là do áp đặt sự hạn chế thương mại Acapulco, nội thương của quần đảo nằm trong tay các Tỉnh trưởng. Vì thế, người Tây Ban Nha định cư ở Philippines thấy rằng không có lý do chính đáng để tham gia vào những hành trình dài và trải qua phần đời còn lại của mình ở vùng đất xa xôi như vậy” (Diaz-Trechuelo, Maria Lourdes, 1963: 211).

Sự khan hiếm của người Tây Ban Nha ở Philippines mang đến cơ hội lớn cho những lao động người Hoa tham gia vào đời sống kinh tế ở quần đảo này. Người Hoa ở Philippines ngoài những thương nhân giỏi buôn bán, còn lại là đa phần làm nghề thủ công (thợ sơn, thợ rèn, thợ đóng giày, thợ xây,...). Trong quá trình xây dựng các công trình ở đô thị Manila (nhà thờ, tu viện, pháo đài,...), Tây Ban Nha rất cần tới lực lượng lao động này. Chính người Tây Ban Nha thừa nhận rằng: “Thực tế là có những người thợ thủ công và họa sĩ Trung Quốc, Tây Ban Nha, châu Âu, Mexico, Peru, Nhật Bản,... nhưng người Hoa đông hơn nhiều và giá nhân công thấp” (Chan, Albert, 1978: 54).

Những ghi chép của người Tây Ban Nha cho phép chúng ta hình dung khá rõ về hoạt động kinh tế của người Hoa ở Manila thế kỷ XVI, XVII, qua đó thấy được vai trò của họ trong đời sống của đô thị thương mại này. Lá thư của Tổng Giám mục Salazar viết vào ngày 24/6/1590 có đoạn viết: “Người Hoa làm mọi thứ, từ bác sĩ chữa bệnh cho đến thợ làm bánh và những phu khuân vác; họ là thợ may, thợ đóng giày, thợ rèn, thợ bạc và điêu khắc, thợ khóa, thợ sơn, thợ xây, và thợ dệt, và họ mang đến mọi loại hình dịch vụ. Họ sản xuất ghê, cương ngựa, và bàn đạp (ở yên ngựa) với chất lượng tốt và rẻ đến nỗi các thương nhân ước rằng có thể chở tất cả hàng hóa đến Mexico” (Purcell, Victor, 1965: 512).

Vào khoảng năm 1661, một tu sỹ Thiên chúa giáo là Bortolome de Letona viết về Parian như sau: “Bình thường có khoảng 15.000 người sinh sống ở đây, họ là Sangley, tức là người Hoa, họ đều là thương nhân và thợ thủ công, phân thành khu vực cư trú dựa theo con đường và khoảng đất vuông, họ mở nhiều cửa hàng gồm nhiều loại hàng hóa và tất cả các ngành nghề cần thiết trong cộng đồng dân cư. Nơi đây rất trật tự, ngăn nắp và thuận tiện” (Purcell, Victor, 1965: 512). Linh mục Cha cố Fernandez Navarrete cũng có những mô tả hết sức chi tiết về số lượng, ngành nghề của người Hoa ở Manila: “... khu vực Parian của người Hoa có tới 200 thợ mộc, có các loại mẩu dịch khác nhau, họ buôn bán với người Tây Ban Nha ở Manila. Có tới 200 người Hoa làm nghề cắt tóc, họ giống như những người Hoa khác đều dựa vào người Tây Ban Nha để kiếm tiền sống. Chúng tôi cho mở một bệnh viện, thuê các đại phu người Hoa, dùng thuốc Bắc, và dùng những giáo sỹ, hộ lý biết nói tiếng Trung Quốc đến đây làm việc” (Dương Văn Huy, 2011: 26). De la Costa đã ước tính rằng với số thuế phải trả cao hơn 4 lần so với người bản địa, người Hoa đã cung cấp khoảng 40% trong tổng doanh thu của chính quyền Tây Ban Nha từ Philippines (Blaker, Jame Ronald, 1970: 37).

Có thể thấy rằng, người Hoa ở Parian với cơ cấu ngành nghề phong phú, không chỉ là thương nghiệp, thủ công nghiệp mà còn có các hoạt động dịch vụ khác. Và cũng trong thời kỳ này, Parian là nơi tập trung lượng lớn hàng hóa Trung Quốc đến Manila, cung cấp nhu yếu phẩm và các dịch vụ khác cho thành phố Manila, sản xuất và gia công nhiều loại sản phẩm cung cấp cho Philippines.

4. Kết luận

Trong giai đoạn Tây Ban Nha thực thi chính sách “đóng cửa” (cuối thế kỷ XVI đến năm 1764), chính sách của chính quyền Tây Ban Nha đối với người Hoa được ví như một vòng tuần hoàn của sự hạn chế, phân biệt đối xử, trục xuất và cuối cùng là cho phép họ quay trở

lại. Việc thực dân Tây Ban Nha thực hiện chính sách có phần tiêu cực đối với người Hoa đã khiến cộng đồng này gặp nhiều khó khăn, hầu như không có điều kiện thuận lợi để phát huy hết khả năng của họ trong hoạt động kinh tế. Song người Hoa vẫn tìm kiếm những chiến lược thích ứng với môi trường kinh tế ở Philippines thông qua sự hỗ trợ của những thành viên trong cộng đồng cùng với sự nhạy bén trong kinh doanh.

Họ chủ yếu đóng vai trò cầu nối thương mại giữa Philippines và Trung Quốc, cung cấp khối lượng hàng hóa chủ yếu cho thương mại khu vực thương mại nội vùng, thương mại quốc tế Manila Galleon. Ngoài ra, một số lượng người Hoa là lực lượng lao động cung cấp những dịch vụ thiết yếu cho cư dân của đô thị Manila. Trong khi đó, những người Hoa định cư lâu dài ở Manila lại đóng vai trò của những người trung gian thu gom hàng hóa cho thương mại khu vực, cho thương mại nội vùng, thương mại quốc tế. Bộ phận khác lại trở thành lực lượng lao động chủ yếu trong lĩnh vực thủ công nghiệp, dịch vụ. Người Hoa đã tìm cách lấp đầy những “khoảng trống” trong đời sống kinh tế ở thủ đô Manila. Điều đó đã giúp họ có thể tồn tại và vượt qua được thời kì khó khăn nhất, đặt cơ sở cho những thành công kinh tế trong những thời kỳ tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

- Abinales, P.N - Amoroso, Donna.J. (2005). *State and society in the Philippines*. US: Rowman & Littlefield publishers, Inc.
- Barker, Tom. Silver, silk and Manila: Factors leading to the Manila Galleon trade. Repository. Library.csuci.edu/jspui/.../37/4/TBManila Galleon.pdf.
- Blair and Robertson. (1903-1909). *The Philippine Islands (1493 - 1898)*. Vol 7. Clereland. Ohio.
- Blaker, Jame Ronald. (1970). *The Chinese in Philippines: A Study of Power and Change*. *Ph.D Thesis*. Ohio State University.
- Chan, Albert. (1978). Chinese-Philippines relations in the late sixteenth century and to 1603. *Philippines Studies*. Vol. 26, No. 1-2, pp.51-82.
- Diaz-Trechuelo & Maria Lourdes. (1963). The economic development of the Philippines in the second half of the eighteen century. *Philippine Studies*. Vol.11, no2, pp.195-231.
- Dương Văn Huy. (2010). Thương cảng Manila (Philippines) thế kỉ XVII. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*. Số 3.
- Dương Văn Huy. (2011). Người Hoa ở Philippin dưới thời thuộc Tây Ban Nha (1565-1898). *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*. Số 2.
- Kueh, Joshua Eng Sin. (2013). Adaptive Strategies of Parian Chinese Fictive Kinship and Credit in Seventeenth-Century Manila. *Philippine Studies: Historical & Ethnographic Viewpoints*, Vol. 61, No. 3, Archaeology of Meanings, pp. 362-384.
- Kueh, Joshua Eng Sin. (2014). *The Manila Chinese: Community, trade and Empire*, *Doctor of Philosophy in History*. Washington DC.
- Legarda, Benito JR. (1955). Two and a half centuries of the Galleon trade. *Philippine Studies*. Vol. 3, No. 4, pp. 345-372.
- Purcell, Victor. (1965). *The Chinese in Southeast Asia*. Oxford University Press. London.
- Salvador, P.Escoto. (2000). A supplement to the Chinese Expulsion from the Philippines, 1764-1779. *Philippine Studies*. Vol. 48, No. 2.
- Schurz, William Lytle. (1959). *The Manila Galleon*. Dutton & Co. NewYork.
- Trần Thị Quế Châu. (2018). Chính sách “đóng cửa” và “mở cửa” của Tây Ban Nha ở thuộc địa Philippines từ cuối thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XIX [Luận án tiến sĩ Lịch sử thế giới, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế].
- Wickberg, Edgar. (2000). *Chinese in the Philippine life, 1850-1898*. Ateneo de Manila University Press.
- Zaide, Soria.M. (1999). *The Philippines - A unique nation*. All nation publishing Co. Inc. Quezon City.
- Zaide, Gregorio.F & Zaide, Sonia. (2004). *Philippines history and government*. All nation publishing Co. Inc. Quezon City.